| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ C**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 68/2022/DSST
Ngày: 28-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Tá
2/ Ông Nguyễn Bình Nam

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Phạm Thế N, sinh năm: 1954

Nơi cư trú: 1850 V, tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Phạm Thiên H, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: 1850 V, tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2022, bản tự khai ngày 31/5/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thế N trình bày:*

Ngày 09/02/2021, bà H có ký hợp đồng vay tiền ông với số tiền vay 200.000.000 đồng để làm ăn, hai bên có thỏa thuận thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/8/2021, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng và phương thức vay 01 lần chuyển vào số tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Trước đó ngày 08/02/2021 ông đã đến phòng giao dịch số 7 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi

nhánh Nha Trang chuyển vào số tài khoản cho bà H 189.000.000 đồng sau khi khấu trừ tiền lời của 2 tháng là 11.000.000 đồng tính từ ngày 09/02/2021 đến 09/4/2021. Kể từ đó đến nay ông đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền gốc và lãi còn nợ nhưng bà H cố tình trốn tránh không trả nợ.

Tại phiên tòa, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà H phải trả cho ông số tiền gốc sau khi trừ số tiền lãi vượt mức lãi suất theo quy định pháp luật và tiền lãi kể từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩmvới lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn bà Phạm Thiên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Phạm Thế N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Phạm Thiên H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Phạm Thiên H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thế N tiền gốc sau khi trừ tiền lãi vượt mức lãi suất quy định là 195.640.000 đồng. Đối với lãi suất, buộc bị đơn bà Phạm Thiên H phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí, bà H phải nộp án phí dân sự sơ theo khoản khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Thế N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thiên H trả nợ do vi phạm hợp đồng vay tài sản. Yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Ông N yêu cầu bà H phải trả tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong giao dịch dân sự giữa ông N và bà H là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Phạm Thiên H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về phạm vi khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà H phải trả cho ông số tiền gốc sau khi trừ số tiền lãi vượt mức lãi suất

theo quy định pháp luật và tiền lãi kể từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử với lãi suất 1,66%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 09/02/2021 có chữ ký của bà H và ông N và giấy nộp tiền ngày 08/02/2021 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Nguyên đơn có cho bị đơn vay tổng cộng 200.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/8/2021, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng và phương thức vay 01 lần chuyển vào số tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và nguyên đơn đã chuyển khoản cho bà H tại phòng giao dịch số 7 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang chuyển vào số tài khoản số 0071000638711 mang tên Phạm Thiên H với số tiền 189.000.000 đồng sau khi khấu trừ tiền lời của 2 tháng là 11.000.000 đồng tính từ ngày 09/02/2021 đến 09/4/2021.

Xét thấy, số tiền lãi từ ngày 09/02/2021 đến ngày 09/4/2021 mà bà H đã trả cho ông N là 11.000.000 đồng vượt mức lãi suất theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi, như vậy số tiền gốc phải trả cho nguyên đơn là 200.000.000 đồng – 4.360.0000 đồng = 195.640.000 đồng.

Do bị đơn chậm thanh toán nên nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy việc bị đơn không có thiện chí trả nợ gốc và lãi đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả 195.640.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022) cho nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.2] Tiền lãi phải trả cho nguyên đơn từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2022 được tính như sau: 195.640.000 đồng x 1,66%/tháng x 17 tháng 18 ngày = 57.158.000 đồng.

Như vậy, bị đơn bà Phạm Thiên H phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Thế N tiền gốc và lãi tổng cộng là: 252.798.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 252.798.000 đồng x 5% = 12.640.000 đồng.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Thế N.

1/ Buộc bị đơn bà Phạm Thiên H phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Thế N 195.640.000 đồng tiền gốc và 57.158.000 đồng tiền lãi phải trả tính đến ngày 28/9/2022, tổng cộng buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 252.798.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

2/ Về án phí: Bà Phạm Thiên H phải nộp 12.640.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ *Quy định*: Kể từ ngày ông Phạm Thế N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Phạm Thiên H chưa thi hành xong khoản tiền phải trả cho ông Phạm Thế N. Hàng tháng, bà Phạm Thiên H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Ông Phạm Thế N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Phạm Thiên H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Huy**